

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

đã được kiểm toán



NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-24
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-24

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan ;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Nguyễn Thanh Hải

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2012

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 ngày 26 tháng 09 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và theo Quyết định số 16/UBCK-GPHDHD ngày 29 tháng 09 năm 2006 của chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Quyết định sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số 178/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2008 và các quyết định về việc thành lập chi nhánh của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 101 - Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Tiền	Chủ tịch
Ông Bùi Trung Kiên	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Tùy	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đào Mạnh Kháng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Đặng Quang Minh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



Số: 210 /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được lập ngày 10 tháng 01 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh với số tiền 14,5 tỷ đồng, dẫn đến chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh và trên Bảng cân đối kế toán chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đang phản ánh tăng tương ứng với số tiền nêu trên.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Ngô Đức Đoàn

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1369/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		318.659.110.697	1.724.287.382.313
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	62.038.899.992	242.749.319.084
111	1. Tiền		62.038.899.992	242.749.319.084
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	110.664.229.103	222.716.486.397
121	1. Đầu tư ngắn hạn		136.855.413.822	248.658.813.324
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(26.191.184.719)	(25.942.326.927)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		142.973.553.603	1.255.240.293.689
131	1. Phải thu của khách hàng		28.577.056.171	1.135.511.407.520
132	2. Trả trước cho người bán		123.032.500	657.474.152
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	1.978.247.668	7.922.104.449
138	5. Các khoản phải thu khác	7	112.295.217.264	111.149.307.568
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.982.427.999	3.581.283.143
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.153.525.699	2.471.546.686
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		828.902.300	1.109.736.457
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		124.015.434.362	58.675.792.094
220	II. Tài sản cố định		96.730.962.873	34.185.549.576
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	15.429.995.128	8.475.868.231
222	- Nguyên giá		26.860.888.473	16.850.700.832
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(11.430.893.345)	(8.374.832.601)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	17.800.967.745	19.827.534.446
228	- Nguyên giá		26.561.031.385	25.431.707.410
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(8.760.063.640)	(5.604.172.964)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	63.500.000.000	5.882.146.899
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	20.000.000.000	20.000.000.000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		20.000.000.000	20.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.284.471.489	4.490.242.518
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		437.156.503	-
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	5.983.133.220	3.573.141.752
268	4. Tài sản dài hạn khác		864.181.766	917.100.766
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		442.674.545.059	1.782.963.174.407

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

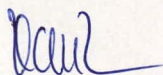
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		71.896.277.026	1.413.412.693.317
310	I. Nợ ngắn hạn		71.896.277.026	1.413.412.693.317
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		1.000.000.000	-
312	2. Phải trả người bán		1.208.444.208	30.919.919.236
313	3. Người mua trả tiền trước		395.000.000	510.446.458
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	422.915.668	4.402.416.396
315	5. Phải trả người lao động		1.019.397.945	1.276.347.095
316	6. Chi phí phải trả	13	1.348.872.433	8.830.318.590
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	65.699.603.284	1.316.349.917.447
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	512.043.488	1.761.161.954
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		290.000.000	873.277.252
328	14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	48.488.888.889
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		370.778.268.033	369.550.481.090
410	I. Vốn chủ sở hữu		370.778.268.033	369.550.481.090
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	397.000.000.000	397.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		5.973.357.884	5.973.357.884
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(32.195.089.851)	(33.422.876.794)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		442.674.545.059	1.782.963.174.407

353 - C
CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN
AN BÌNH
HÀ NỘI
HÌNH KẾ T
KIỂM T

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
005	5. Ngoại tệ các loại		-	8.380
006	6. Chứng khoán lưu ký		2.855.038.630.000	2.359.080.500.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		2.691.159.900.000	1.757.910.070.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		18.808.790.000	28.476.490.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		2.672.277.960.000	1.729.361.430.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		73.150.000	72.150.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		36.040.730.000	569.364.630.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		36.040.730.000	569.364.630.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		100.000.000.000	-
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		100.000.000.000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		27.838.000.000	31.805.800.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		7.000.000	-
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		27.831.000.000	31.805.800.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		107.575.208.906	148.493.290.000

Người lập



Phạm Thị Vân

Kế toán trưởng



Lương Thành Trung

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu	17	239.065.087.203	305.680.854.914
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		16.703.645.339	129.231.162.421
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		5.507.072.156	36.773.245.228
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		12.141.655	42.250.698
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		1.089.381.989	13.851.617.031
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		650.000.000	10.010.895.030
01.9	Doanh thu khác		215.102.846.064	115.771.684.506
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		239.065.087.203	305.680.854.914
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	18	196.268.716.837	227.182.632.068
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		42.796.370.366	78.498.222.846
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	40.321.835.174	41.722.675.339
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.474.535.192	36.775.547.507
31	8. Thu nhập khác		93.438.865	195.457.338
32	9. Chi phí khác		1.340.187.114	1.310.169
40	10. Lợi nhuận khác		(1.246.748.249)	194.147.169
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.227.786.943	36.969.694.676
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.227.786.943	36.969.694.676
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	31	931

Người lập



Phạm Thị Vân

Kế toán trưởng



Lương Thành Trung

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc 



Nguyễn Thanh Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.227.786.943	36.969.694.676
02	Khấu hao tài sản cố định		6.245.254.861	5.953.628.342
03	Các khoản dự phòng		248.857.792	16.842.686.778
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(219.880.811.769)	(121.476.094.892)
06	Chi phí lãi vay		179.861.266.463	74.651.172.111
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(32.297.645.710)	12.941.087.015
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		1.106.477.367.462	(1.104.541.677.360)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		111.803.399.502	78.504.635.470
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.330.157.602.466)	1.084.285.487.247
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(119.135.516)	227.521.191
13	Tiền lãi vay đã trả		(186.909.812.879)	(74.651.172.111)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		126.350.000	(121.850.000)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.357.072.468)	(2.121.395.896)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(333.434.152.075)	(5.477.364.444)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(68.157.078.786)	(5.972.750.862)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		219.880.811.769	121.476.094.892
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		151.723.732.983	115.503.344.030
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.000.000.000	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(117.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.000.000.000	(117.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(180.710.419.092)	(6.974.020.414)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		242.749.319.084	249.723.339.498
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	<u>62.038.899.992</u>	<u>242.749.319.084</u>

Người lập



Phạm Thị Vân

Kế toán trưởng



Lương Thành Trung



Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2012
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Hải



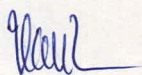
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2011

Năm nay	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	-	-	397.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính		5.973.357.884	-	-	5.973.357.884
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(33.422.876.794)	1.227.786.943	-	(32.195.089.851)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		369.550.481.090	1.227.786.943	-	370.778.268.033

Năm trước	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	-	-	397.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính		5.973.357.884	-	-	5.973.357.884
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(70.392.571.470)	36.969.694.676	-	(33.422.876.794)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		332.580.786.414	36.969.694.676	-	369.550.481.090

Người lập



Phạm Thị Vân

Kế toán trưởng



Lương Thanh Trung

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc 



Nguyễn Thanh Hải

031353
CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN
AN BÌNH
ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI
KIỂM TOÁN

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	02 - 08 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 ngày 26 tháng 09 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và theo Quyết định số 16/UBCK-GPHDHD ngày 29 tháng 09 năm 2006 của chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Quyết định sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số 178/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2008 và các quyết định về việc thành lập chi nhánh của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 101 - Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 397.000.000.000 VND (Ba trăm chín mươi bảy tỷ đồng). Tương đương 39.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các Chi nhánh sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	Số 118 Nguyễn Cư Trinh - Q 1 - TP Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Hải Phòng	Số 07 Trần Hưng Đạo - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng
- Chi nhánh Đà Nẵng	Số 9 Yên Bái - P Hải Châu 1 - Q Hải Châu - TP Đà Nẵng
- Chi nhánh Thái Bình	Số 399 Lê Quý Đôn - Phường Lê Hồng Phong - TP Thái Bình
- Chi nhánh Bắc Ninh	Số 10 Nguyễn Đăng Đạo - Phường Tiến An - TP Bắc Ninh
- Chi nhánh Vũng Tàu	Số 21 Lê Lợi - TP Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Chi nhánh Thanh Hóa	20 Phan Chu Trinh, TP Thanh Hóa
- Chi nhánh Đồng Nai	132 Nguyễn Ái Quốc, KP4, P.Tân Tiến, TP.Biên Hoà, Đồng Nai

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/ bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Cơ sở trích lập dự phòng: Đối với chứng khoán đã niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng. Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.



Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	12.187.532	285.156.353.000
- Cổ phiếu Chứng chỉ quỹ	12.187.482	234.760.520.000
- Trái phiếu	50	50.395.833.000
Của người đầu tư	540.323.000	6.034.467.000.000
- Cổ phiếu Chứng chỉ quỹ	534.833.000	5.420.030.000.000
- Trái phiếu	5.490.000	614.437.000.000
	552.510.532	6.319.623.353.000

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền	62.038.899.992	242.749.319.084
- Tiền gửi ngân hàng	1.820.351.546	190.335.942.869
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (*)	60.218.548.446	52.413.376.215
	62.038.899.992	242.749.319.084

(*) Khoản tiền gửi của nhà đầu tư vào tài khoản của Công ty tại các ngân hàng để phục vụ cho việc mua bán chứng khoán và thanh toán bù trừ mua bán chứng khoán của nhà đầu tư và của Công ty Chứng khoán.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chứng khoán thương mại	136.855.413.822	248.658.813.324
- Chứng khoán niêm yết	9.372.004.916	16.991.785.910
- Chứng khoán chưa niêm yết	107.575.208.906	159.887.994.081
- Trái phiếu	19.908.200.000	71.779.033.333
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(26.191.184.719)	(25.942.326.927)
	110.664.229.103	222.716.486.397

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2011 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán đầu tư của Công ty.

Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá bình quân và đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2011.

Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba Công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2011 đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng.

6 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	1.978.247.668	7.922.104.449
- <i>Phí giao dịch phải thu nhà đầu tư</i>	587.965.001	6.531.821.782
- <i>Phải thu thành viên khác</i>	1.390.282.667	1.390.282.667
	1.978.247.668	7.922.104.449

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	186.185.700	-
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	108.811.450.910	109.854.482.333
Phải thu khác	3.297.580.654	1.294.825.235
	112.295.217.264	111.149.307.568

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH, TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định Vô hình	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	-	13.808.539.832	3.042.161.000		25.431.707.410	42.282.408.242
Số tăng trong năm	9.473.500.210	579.206.000	-	-	1.129.323.975	11.182.030.185
- Mua sắm mới	9.473.500.210	579.206.000	-	-	1.129.323.975	11.182.030.185
Số giảm trong năm	-	(42.518.569)	-	-	-	(42.518.569)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(42.518.569)	-	-	-	(42.518.569)
Số dư cuối năm	9.473.500.210	14.345.227.263	3.042.161.000	-	26.561.031.385	53.421.919.858
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	-	7.416.937.258	957.895.343		5.604.172.964	13.979.005.565
Số tăng trong năm	-	2.785.148.081	304.216.104	-	3.155.890.676	6.245.254.861
- Trích khấu hao	-	2.785.148.081	304.216.104	-	3.155.890.676	6.245.254.861
Số giảm trong năm	-	(33.303.441)	-	-	-	(33.303.441)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(33.303.441)	-	-	-	(33.303.441)
Số dư cuối năm	-	10.168.781.898	1.262.111.447	-	8.760.063.640	20.190.956.985
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	-	6.391.602.574	2.084.265.657	-	19.827.534.446	28.303.402.677
Số dư cuối năm	9.473.500.210	4.176.445.365	1.780.049.553	-	17.800.967.745	33.230.962.873

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	63.500.000.000	5.882.146.899
- Mua BĐS làm văn phòng Chi nhánh ABS	63.500.000.000	-
- Mua BĐS làm văn phòng Chi nhánh ABS	-	4.896.303.687
- Chi phí bổ sung cho phần mềm	-	985.843.212
	63.500.000.000	5.882.146.899

Theo hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ngày 23 tháng 12 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hà (Bên Chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (Bên nhận chuyển nhượng) về việc chuyển nhượng lô đất số 401, đường số 16, khu đô thị An phú, An khánh, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	20.000.000.000	20.000.000.000
	20.000.000.000	20.000.000.000

11 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	3.573.141.752	1.573.595.856
Tiền nộp bổ sung	2.230.514.114	1.828.181.505
Tiền lãi phân bổ trong năm	179.477.354	171.364.391
Số dư cuối năm	5.983.133.220	3.573.141.752

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.955.098	1.128.957.666
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.948.800.000
Thuế Thu nhập cá nhân (của nhà đầu tư)	420.960.570	324.658.730
	422.915.668	4.402.416.396

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	79.291.668	7.127.838.084
Chi phí phải trả khác	1.269.580.765	1.702.480.506
	1.348.872.433	8.830.318.590

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	42.979.451.023	43.350.216.537
Phải trả Ngân hàng TMCP An Bình	20.000.000.000	1.169.000.000.000
Phải trả NHTMCP Tiên Phong theo hợp đồng MGTP		100.000.000.000
Phải trả về quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của khách hàng	-	2.810.482.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.720.152.261	1.189.218.910
	65.699.603.284	1.316.349.917.447

15 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	251.408.600	587.521.276
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	260.634.888	1.173.640.678
	512.043.488	1.761.161.954

16 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	397.000.000.000	397.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	397.000.000.000	397.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	397.000.000.000	397.000.000.000

b) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.700.000	39.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.700.000	39.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.700.000	39.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

53 - CTT
 HỮU HẠN
 TƯ VẤN
 KẾ TOÁN
 KẾ TOÁN
 KIỂM - TP.

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	239.065.087.203	305.680.854.914
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	16.703.645.339	129.231.162.421
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	5.507.072.156	36.773.245.228
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	12.141.655	42.250.698
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.089.381.989	13.851.617.031
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	650.000.000	10.010.895.030
- Doanh thu khác	215.102.846.064	115.771.684.506
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	239.065.087.203	305.680.854.914

18 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	7.296.557.028	20.263.856.887
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	6.609.563.884	110.173.105.784
Chi phí hoạt động tư vấn	251.627.273	814.946.363
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1.816.743.682	842.780.013
Chi phí dự phòng	248.857.792	16.842.686.778
Chi phí khác	180.045.367.178	78.245.256.243
	196.268.716.837	227.182.632.068

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	16.666.072.933	18.482.194.367
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	217.082.644	1.891.779.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.245.254.861	5.965.170.313
Thuế, phí và lệ phí	12.800.000	39.714.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.764.604.484	10.798.089.654
Chi phí khác bằng tiền	5.416.020.252	4.545.727.087
	40.321.835.174	41.722.675.339

20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.227.786.943	36.969.694.676
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.972.276.232)	(4.756.711.089)
- Các khoản điều chỉnh tăng (tiền phạt thuế)	1.325.088.444	1.290.256.865
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức)	(5.297.364.676)	(6.046.967.954)
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.744.489.289)	32.212.983.587
Chuyển lỗ năm trước	-	(32.212.983.587)
Thu nhập tính thuế	(2.744.489.289)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%

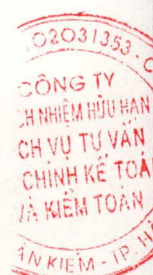
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Căn cứ vào Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%, Công ty được miễn thuế TNDN 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty có thu nhập chịu thuế năm 2007) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp (năm 2009, 2010, 2011).

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.227.786.943	36.969.694.676
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.227.786.943	36.969.694.676
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	39.700.000	39.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	931



22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Mua nhà và đất làm Chi nhánh của Công ty		
- Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hà (1)	63.000.000.000	-

(1) Ông Đào Mạnh Kháng - Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hà là Cổ đông lớn, Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng Khoán An Bình.

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Người lập



Phạm Thị Vân

Kế toán trưởng



Lương Thành Trung



Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc MS

Nguyễn Thanh Hải